

Số: 04/2017/NO-HĐND
SỞ CÔNG THƯƠNG BẾN TRE

Bến Tre, ngày 18 tháng 7 năm 2017

ĐẾN Số: 2511
Ngày: Về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

NGHỊ QUYẾT
VỀ BAN HÀNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Xét Tờ trình số 2618/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
2. Đối tượng áp dụng
 - a) Nghị quyết này áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới, hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.
 - b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dự án khởi nghiệp: là quá trình thực hiện ý tưởng kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương, ứng dụng công nghệ

tiên tiên để tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

2. Doanh nghiệp khởi nghiệp: là đơn vị kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án khởi nghiệp.

Điều 3. Điều kiện chung để hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp

Các cá nhân, tổ chức tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đáp ứng một trong các điều kiện sau đây được hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp theo quy định của Nghị quyết này:

1. Là doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới có dự án khởi nghiệp được Tổ thẩm định dự án khởi nghiệp đánh giá đạt yêu cầu.

2. Là doanh nghiệp mới thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp.

Điều 4. Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp của tỉnh

1. Chính sách về gia nhập thị trường

a) Miễn 100% phí tư vấn, lập hồ sơ đăng ký doanh nghiệp khởi nghiệp; viết dự án khởi nghiệp khi đăng ký tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bến Tre.

b) Doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới, hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp được hỗ trợ một lần không quá 3.500.000 đồng, bao gồm: lệ phí đăng ký thành lập doanh nghiệp, phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Công thông tin doanh nghiệp quốc gia; chi phí khắc dấu doanh nghiệp, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; chi phí làm bằng hiệu doanh nghiệp; chi phí chuyên phát bảo đảm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến tận trụ sở chính của doanh nghiệp.

c) Được Tổ tư vấn dịch vụ hành chính công hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và tất cả thủ tục hành chính có liên quan.

2. Chính sách về thông tin, thủ tục hưởng ưu đãi

a) Miễn phí đăng thông tin giới thiệu, quảng bá doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bến Tre.

b) Được Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bến Tre hỗ trợ thực hiện các hồ sơ, thủ tục để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

3. Được ưu tiên giới thiệu tiếp cận các gói tín dụng ưu đãi từ Quỹ đầu tư khởi nghiệp của tỉnh và các ngân hàng, quỹ đầu tư khác.

4. Chính sách về dịch vụ tư vấn thuế

Giảm 50% chi phí thực hiện các dịch vụ kê khai, báo cáo và quyết toán thuế cho doanh nghiệp trong năm đầu tiên khi đăng ký tại Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bến Tre.

5. Chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

a) Miễn chi phí đào tạo kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, kỹ năng cơ bản về quản lý và điều hành doanh nghiệp; kê khai thuế, lập kế hoạch kinh doanh, quản lý dự án đầu tư, các thủ tục pháp lý, quản trị tài chính do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Khởi nghiệp thực hiện.

b) Giảm 50% học phí tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, kiến thức quản lý cấp trung, cấp cao và đào tạo chuyên đề khác theo nhu cầu của doanh nghiệp do tỉnh tổ chức có thu học phí.

c) Chính sách đào tạo nghề trong nước

Doanh nghiệp có sử dụng lao động thường xuyên từ 10 lao động trở lên (có hợp đồng lao động); ngành nghề đào tạo phù hợp với lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp; thời gian đào tạo được áp dụng cho các lớp ngắn hạn (dưới 03 tháng). Mỗi lao động của doanh nghiệp khởi nghiệp chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần và áp dụng trong năm đầu tiên kể từ khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Mức phí hỗ trợ 400.000 đồng/lao động/năm nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/doanh nghiệp.

6. Chính sách nâng cao năng lực ứng dụng khoa học và công nghệ

a) Hỗ trợ cho vay vốn từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh với lãi suất bằng 50% mức lãi cho vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Hạn mức cho vay 70% trên tổng vốn đầu tư đối với các doanh nghiệp có dự án đổi mới công nghệ hoặc chuyển giao công nghệ và tối đa 02 tỷ đồng/dự án, trong thời gian không quá 04 năm.

b) Hỗ trợ 30% trên tổng kinh phí dự án cho doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển công nghệ; ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; mức tối đa 350 triệu đồng/dự án.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí cho các dự án xây dựng, đăng ký, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể; nhãn hiệu chứng nhận; chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm truyền thống, đặc thù của tỉnh; hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 40 triệu đồng cho một hệ thống chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn địa phương, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 02 tiêu chuẩn hoặc 02 quy chuẩn trong một năm).

Điều 5. Nguồn kinh phí chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp

1. Kinh phí chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp tại Điểm b Khoản 1, Điểm c Khoản 5 và Điểm b, Điểm c Khoản 6 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết này được đảm bảo từ nguồn vận động tài trợ của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bến Tre (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3. Kinh phí chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp tại Điểm a Khoản 6 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ngoài chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp theo nghị quyết này, Doanh nghiệp được hỗ trợ theo quy định hiện hành. Các nội dung chính sách tại nghị quyết này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng áp dụng chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khóa IX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 7 năm 2017. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh (2b);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH Bến Tre;
- Phòng TH - VP HĐND tỉnh (07 bản);
- Trung tâm thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (T).

CHỦ TỊCH



Võ Thành Hạo